

Bản án số: **16/2022/HN-ST**.

Ngày: 10/02/2022.

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Phước Tường**.

- Ông **Trần Trung Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 315/2021/TLST-HN, ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:153/2021/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Phần trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Chị với anh Trần Hữu T cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, anh chị chung sống đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Trần Ngọc P, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Diễm P, sinh ngày 06/02/2013. Từ khi ly hôn đến nay chị là người trực tiếp nuôi con chung và chăm sóc tốt. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục

trực tiếp nuôi hai con chung chưa thành niên. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Phần trình bày của bị đơn anh Trần Hữu T:

Bị đơn anh Trần Hữu T dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị H và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Trần Hữu T. Anh T có địa chỉ tại ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh Trần Hữu T dù được Tòa án thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị H và tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Đối với chị Nguyễn Thị Tuyết H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Nhận thấy đơn xin vắng mặt của chị H nộp cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè năm 2011. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì ly thân cho đến nay. Theo chị H khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nên anh chị ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy chị H với anh T cưới nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2013 thì ly thân,

từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cương quyết ly hôn, còn anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H, dù được Tòa án thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị H và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, xem như anh T đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh trong vụ án này. Nhận thấy anh chị đã ly thân trong một thời gian dài khoảng 8 năm nay, nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung tên Trần Ngọc P, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Diễm P, sinh ngày 06/02/2013. Từ khi ly hôn đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con chung và chăm sóc tốt. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung chưa thành niên. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T không có ý kiến gì về nuôi con chung chưa thành niên. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên đã ổn định và phát triển bình thường. Mặt khác hai con chung của anh chị cũng có bản tự khai nộp cho Tòa án đề ngày 17/12/2021 cũng có ý kiến là sống với chị H, nếu cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là giao con chưa thành niên tên Trần Ngọc P và Trần Diễm P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị H khai không có, anh T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H.

- Cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Giao con hai chung chưa thành niên của anh chị tên Trần Ngọc P, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Diễm P, sinh ngày 06/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000712, ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG

Cái Bè, ngày 10 tháng 11 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 26 tháng 02 năm 2022.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 315/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm 1989. (có đơn xin vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1987.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H.

- Cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Giao con hai chung chưa thành niên của anh chị tên Trần Ngọc P, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Diễm P, sinh ngày 06/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000712, ngày 21/5/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ -
TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN